

ĐỐI XỨNG CÚ PHÁP VÀ NGỮ NGHĨA TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT

Nhận bài:

12 – 06 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Đức Luận

Tóm tắt: Thành ngữ đối xứng về mặt cấu tạo là loại thành ngữ cân đối hai vế về số âm tiết (tiếng). Dựa vào đặc điểm cú pháp, thành ngữ có đối xứng hai vế ngữ (cụm từ tự do) theo phương diện cấu tạo. Đó là đối xứng theo từ loại đứng đầu ngữ gồm: đối xứng hai vế ngữ động từ, đối xứng hai vế ngữ danh từ, đối xứng hai vế ngữ tính từ, đối xứng hai vế ngữ chủ vị; đối xứng lặp từ loại đứng đầu ngữ. Đối xứng hai vế ngữ thể hiện bằng cách tách từ ghép thành hai vế tương ứng. Tính đối xứng này thể hiện sự cân đối về mặt hình thức.

Đối xứng về mặt cấu tạo có thể làm cho thành ngữ đối xứng về mặt nghĩa. Dựa vào đặc điểm ngữ nghĩa, thành ngữ có hai loại: thành ngữ đối xứng nghĩa tương thích và không tương thích. Sự đối xứng này tạo nên sự tương tác nghĩa và láy nghĩa, khiến cho chúng giàu sắc thái từ vựng và biểu cảm. Đây là sự đối xứng về mặt nội dung biểu đạt của thành ngữ.

Từ khóa: thành ngữ đối xứng; cấu tạo; tương thích; tương tác và láy nghĩa; sắc thái từ vựng; biểu cảm.

1. Dẫn nhập

Thành ngữ là một cấu trúc có cấu tạo như cụm từ nhưng chức năng ngữ nghĩa như từ. Đây là cấu trúc ngôn ngữ có hình thức bóng bẩy, giàu hình tượng. Một trong những điều tạo nên những đặc điểm đó là cấu trúc đối xứng của thành ngữ. Sự đối xứng về số tiếng của hai vế thành ngữ tạo nên đối xứng cú pháp. Dựa vào đặc điểm cú pháp, thành ngữ có đối xứng hai vế ngữ theo từ loại. Dựa vào đặc điểm ngữ nghĩa, thành ngữ có hai loại: thành ngữ đối xứng nghĩa tương thích và không tương thích. Ở bài viết này, chúng tôi nghiên cứu chủ yếu loại thành ngữ có 4 âm tiết (tiếng), chỉ một số thành ngữ có 6 âm tiết.

2. Đặc điểm đối xứng cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa

2.1. Đối xứng cú pháp

2.1.1. Đối xứng hai vế ngữ

2.1.1.1. Đối xứng hai vế ngữ động từ

- Động từ + danh từ: Đây là ngữ động từ mà bỏ tổ là danh từ: *Ăn bờ ở bụi; Bớt lông tìm vết; Đền ơn trả nghĩa; Ăn cây táo rào cây xoan; Ăn com nhà vác ngà voi; Há miệng mắc quai; Giật gấu vá vai; Bàng ngàn vượt bể; Giận cá chém thớt; Kén cá chọn canh; Lên bờ xuống ruộng...*

- Động từ + tính từ: Đây là ngữ động từ mà bỏ tổ là tính từ: *Ăn kỹ làm đói; Ăn bằng nói chắc; Ăn cả tiêu rộng, Ăn chắc mặc bền; Chặt to kho mặn; Cày sâu cuốc bẫm; Bóc ngắn cắn dài...*

- Động từ + động từ: Đây là ngữ động từ mà bỏ tổ là động từ: *Ăn chực nằm chờ; Khóc mướn cười thuê; Thương vay khóc mướn; Đi đến nơi về đến chốn; Cầu được ước thấy...*

- Động từ + đại từ: Đây là ngữ động từ mà bỏ tổ là đại từ: *Đặt đâu ngồi đấy...*[2], [6]

2.1.1.2. Đối xứng hai vế ngữ danh từ

- Số từ + danh từ: Đây là ngữ danh từ mà bỏ tổ đứng trước: *Chín đụn mười trâu; Một cổ hai tròng; Một tiền gà ba tiền thóc; Một chốn bốn nơi; Hai sương một nắng; Ba bề bốn bên; Ba cha bảy mẹ; Ba chân bốn*

* Liên hệ tác giả

Lê Đức Luận

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: leducluan3@gmail.com

căng; Ba mặt một lời; Chín người mười ý...

- Danh từ + danh từ: Đây là ngữ danh từ mà định tố là danh từ: *Dây mơ rễ má; Khuôn vàng thước ngọc; Lá ngọc cành vàng; Lòng lang dạ thú; Đất khách quê người; Chim lồng cá chậu; Chồng Nam vợ Bắc; Lời ong tiếng ve; Con nhà lính tính nhà quan; Miệng hùm gan sứa...*

- Danh từ + số từ: Đây là ngữ danh từ mà định tố là số từ: *Mồm năm miệng mười...*

- Danh từ + đại từ: Đây là ngữ danh từ mà định tố là đại từ: *Chúng nào tật ấy; Công kia việc nọ...*[2], [6]

2.1.1.3. Đối xứng hai vế ngữ tính từ

- Tính từ + danh từ: Đây là ngữ tính từ mà bộ tố là danh từ: *Im hơi lặng tiếng; Khéo tay hay miệng; Khôn nhà dại chợ; Cùng đường hết lối; Đục nước béo cò; Gần đất xa trời; Xa mặt cách lòng ...*

- Tính từ + động từ: Đây là ngữ tính từ mà bộ tố là động từ: *Để làm khó bỏ; Để ăn lành khiến; Vụng chèo khéo chống...*

- Số từ + tính từ: Đây là ngữ tính từ mà số từ đi trước làm danh hóa tính từ: *Trăm đấng ngàn cay, Trăm khôn nghìn khéo, Muôn hồng nghìn tía...*[2], [6]

2.1.1.4. Đối xứng hai vế ngữ chủ vị

- Danh từ + tính từ: *Chân cứng đá mềm; Com thừa canh cặn; Com dẻo canh ngọt; Dao to búa lớn; Mâm cao cỗ đầy; Chân lấm tay bùn; Sơn cùng thủy tận; Chân cứng đá mềm; Đầu tắt mặt tối...*

- Danh từ + động từ: *Phượng múa rồng bay; Ma đưa lối quỷ dẫn đường; Com ăn áo mặc; Bụng mang dạ chửa; Cha sinh mẹ dưỡng, Cổ cây vai bừa; Cốc mò cò xoi...*

- Danh từ + động từ + bổ ngữ: *Kẻ ăn ốc người đổ vỏ; Chó ăn đá gà ăn sỏi.* [2],[6].

2.1.2. Đối xứng lặp lại từ

2.1.2.1. Lặp danh từ

Đây là dạng ngữ danh từ được lặp lại hai vế mở đầu cùng một danh từ:

- Danh từ + danh từ: buổi /buổi: *Buổi đực buổi cái; bữa/ bữa: Bữa rau bữa cháo; chân/chân: Chân giày chân dép; hoa/hoa: Hoa hòe hoa sởi...*

- Danh từ + động từ: con/con: *Con bé con bồng; cửa/cửa: Cửa ăn cửa để...*

- Danh từ + tính từ: lá/lá: *Lá mặt lá trái...*[2], [6]

2.1.2.2. Lặp tính từ

Đây là dạng ngữ tính từ được lặp lại hai vế mở đầu cùng một tính từ:

- Tính từ + danh từ: độc/độc: *Độc mồm độc miệng; héo/héo: Héo gan héo ruột; cùng/cùng: Cùng hội cùng thuyền; đại/dại: Đại mồm đại miệng; hết/hết: Hết hồn hết vía,...*

- Tính từ + động từ: khó/khó: *Khó ăn khó nói ...*[2], [6]

2.1.2.3. Lặp động từ

Đây là dạng ngữ động từ được lặp lại hai vế mở đầu cùng một động từ:

- Động từ + danh từ: bằng/bằng: *Bằng chị bằng em, biết/biết: Biết người biết cửa; bốp/bốp: Bốp mồm bốp miệng; có/có: Có da có thịt; cãi / cãi: Cãi chày cãi cối; ra/ra: Ra ngô ra khoai...*

- Động từ + tính từ: bỏ/bỏ: *Bỏ sấp bỏ ngựa; bước/bước: Bước thấp bước cao...*

- Động từ + động từ: chết/chết: *Chết đói chết khát; bắt/bắt: Bắt ne bắt net, chết/chết: Chết mê chết mệt...*

- Động từ + danh từ + động từ + động từ: còn/còn: *Còn nước còn tát...*[2], [6]

2.1.2.4. Lặp số từ

Đây là dạng ngữ danh từ được lặp lại hai vế mở đầu bằng một số từ:

- Số từ + danh từ: ba/ba: *Ba cọc ba đồng; một/một: Một hội một thuyền.*

- Số từ + danh từ + số từ + động từ: trăm/trăm: *Trăm trận trăm thắng...*

- Số từ + động từ: bách/bách: *Bách chiến bách thắng...*[2], [6].

2.1.3. Tách từ ghép thành hai vế đối xứng

2.1.3.1. Cặp đơn

Cấu trúc thành ngữ bốn tiếng thì chỉ một từ ghép được tách ra, hai tiếng còn lại không phải là từ ghép, đối xứng theo hai hình vị được ứng thành hai từ độc lập:

* Từ ghép được tách ra là tính từ:

- Danh từ + tính từ (c-v): Từ động: *Ao tù nước động; cay đắng: Ăn cay nuốt đắng; to lớn: Ăn to làm lớn...*

a. Từ ghép được tách ra là danh từ:

- Số từ + danh từ: hồn vía: *Ba hồn bảy vía; lần lượt: Ba lần bảy lượt; thê thiếp: Ba thê bảy thiếp; mưu kế: Bày mưu tính kế; cha con: Cha già con cộc ...*

- Danh từ + danh từ: cơm áo: *Bát cơm manh áo*,
cơm canh: *Com thừa canh cặn...*

- Động từ + danh từ: vai vế: *Bằng vai ngang vế...*

b. Từ ghép được tách ra là động từ:

- Động từ + động từ: bót xén: *Ăn bót ăn xén*; chờ chực: *Ăn chực nằm chờ*; trôi dạt: *Bèo dạt mây trôi...*

- Số từ + động từ: chìm nổi: *Bảy nổi ba chìm*; nhớ thương: *Chín nhớ mười thương...*

- Động từ + danh từ: buôn bán: *Buôn thúng bán mẹt*; buôn bán: *Bán phấn buôn hương*; chinh phạt: *Chinh Đông phạt Tây*; ...

- Động từ + tính từ: Cày cuốc: *Cày sâu cuốc bẫm...*[2], [6]

2.1.3.2. Cặp đôi

Đối xứng loại này thể hiện hai từ ghép được tách đôi làm hai vế đối xứng nhau:

- Cặp động/danh: buôn bán/ thần thánh: *Buôn thần bán thánh*; ăn ở/ bờ bụi: *Ăn ở bờ bụi*; ăn nằm/sương gió: *Ăn gió nằm sương ...*

- Cặp tính/danh: đôi bại/phong tục: *Đôi phong bại tục...*

- Cặp động/tính: chia sẻ/ngọt bùi: *Chia ngọt sẻ bùi*; ăn ở/ cần kiệm: *Ăn cần ở kiệm*; ăn mặc/đói rách: *Ăn đói mặc rách*; ăn ở/hiền lành: *Ăn hiền ở lành*; ăn nói/ngay thật: *Ăn ngay nói thật*; ăn nói/ngạo ngược: *Ăn ngược nói ngạo*; bán tán/ngược xuôi: *Bán ngược tán xuôi ...*

- Cặp danh/ động (c-v): bướm ong/chán chường: *Bướm chán ong chường*, Cha mẹ/sinh đẻ: *Cha sinh mẹ đẻ...*

- Cặp danh/ tính (c-v): điều tiếng/ nặng nhẹ: *Điều nặng tiếng nhẹ*; cơm áo/ no ấm: *Com no áo ấm*; cờ bạc/gian lận: *Cờ gian bạc lận ...*

- Cặp động/ động: Cày cuốc/thuê mướn: *Cày thuê cuốc mướn*; ăn nằm/ chờ chực: *Ăn chực nằm chờ...* [2], [6].

2.1.4. Đặc điểm đối xứng cú pháp

Đối xứng cú pháp là sự cân đối về cấu tạo và tương ứng về từ loại giữa hai vế thành ngữ. Đây có thể gọi là đối xứng cấu trúc.

Đối xứng từ loại hai vế ngữ tạo nên sự cân xứng giữa hai vế về mặt cấu tạo. Về thứ nhất cấu tạo theo loại ngữ nào thì về thứ hai cũng vậy: ngữ động từ: “*Ăn ở/ bờ bụi*”; ngữ danh từ: “*Chín đụn/ mười trâu*”; ngữ tính từ: “*Khéo tay/ hay miệng*”; ngữ chủ vị: “*Cha sinh/ mẹ dưỡng*”.

Đối xứng lặp lại từ ở hai vế ngữ thể hiện về thứ nhất lặp từ loại nào thì về thứ hai cũng lặp tương ứng. Đây cũng là dạng đối ứng hai vế ngữ nhưng hai vế lặp từ tương ứng về từ loại: “*Buổi đục/ buổi cái*”; “*Độc mồm/ độc miệng*”; “*Cãi chà/ cãi cối*”; “*Ba cọc/ ba đồng*”.

Đối xứng bằng cách tách hai hình vị của từ ghép thành hai từ đứng đầu hai vế ngữ tạo nên sự đồng nhất về mặt từ loại của hai vế. Đồng nhất cặp từ loại: từ động “*Ao tù nước đọng*”; hòn vĩa: “*Ba hòn bảy vĩa*”; bót xén: “*Ăn bót ăn xén*”. Hai từ ghép tách ra thành hai cặp tương ứng từ loại: buôn bán/ thần thánh: “*Buôn thần bán thánh*”; đôi bại/phong tục: “*Đôi phong bại tục*”; chia sẻ/ngọt bùi: “*Chia ngọt sẻ bùi*”; bướm ong/chán chường: “*Bướm chán ong chường*”; cày cuốc/thuê mướn: “*Cày thuê cuốc mướn*”. Việc tách hai hình vị trong từ ghép thành hai từ độc lập trong mỗi vế thành ngữ cho thấy tư cách độc lập về nghĩa của hình vị tiếng Việt và có thể chúng vốn là hai từ đơn độc lập được ghép với nhau thành một từ mới.

Như vậy, tính đối xứng về mặt cấu tạo của thành ngữ là sự cân đối về mặt hình thức. Sự cân đối này làm cho thành ngữ có sự hài hòa và tương xứng giữa hai vế, tạo nên nhịp điệu cho lời nói. Tính cân đối đồng nhất từ loại giữa hai vế thành ngữ thể hiện tính cặp đôi trong văn hóa người Việt, sự hô ứng trong cách nói năng của người Việt.

2.2. Đối xứng ngữ nghĩa

2.2.1. Đối xứng nghĩa tương thích

Đây là sự đối xứng mà cặp từ hai vế cùng trường nghĩa hoặc đồng nghĩa. Dạng này có các loại đối xứng sau đây:

a. Đối xứng hành động với phương thức: Bao gồm hành động ở đâu, bằng cái gì: *Ăn ở bờ bụi*; *Cãi chà cãi cối*; *Buôn thúng bán mẹt*; *Ăn gió nằm sương* *Đặt đầu gối đấy* và hành động theo cách thức nào: *Thương vay khóc mướn*; *Cày thuê cuốc mướn*; *Ăn chực nằm chờ*; *Ăn bót ăn xén...*

b. Đối xứng hành động với đối tượng: Các đối tượng của hành động đều cùng nghĩa như: *thần thánh*, *muu kế*, *mồm miệng* hoặc cùng trường nghĩa như: *phấn hương*, *on nghĩa*, *bờ ruộng*; *Buôn thần bán thánh*; *Bóp mồm bóp miệng*; *Bán phấn buôn hương*; *Đền on trả nghĩa*; *Bày mưu tính kế*; *Lên bờ xuống ruộng*.

c. Đối xứng hành động với tính chất: Các từ chỉ

tính chất của hành động đối xứng nhau theo cặp đồng nghĩa hoặc gần nghĩa: *Cày sâu cuốc bẫm; Ăn cả tiêu rộng; Ăn chắc mặc bền; Ăn bằng nói chắc; Ăn cần ở kiệm; Chia ngọt sẻ bùi; Ăn cay nuốt đắng; Ăn đói mặc rách; Ăn hiền ở lành; Ăn ngay nói thật; Ăn ngược nói ngạo; Ăn to làm lớn.*

d. Đối xứng chủ thể với trạng thái, tính chất: Các từ chỉ tính chất và trạng thái của chủ thể là những từ đồng nghĩa, gần nghĩa đối xứng nhau: *Khuôn vàng thước ngọc; Lá ngọc cành vàng; Bướm chán ong chường; Chia ngọt sẻ bùi; Cơm thừa canh cặn; Ao tù nước đọng; Cha già con cộc; Cơm dẻo canh ngọt; Dao to búa lớn; Mâm cao cỗ đầy; Chân lấm tay bùn.*

đ. Đối xứng chủ thể với hành động: Các từ chỉ hành động của chủ thể đều cùng trường nghĩa hoặc đồng nghĩa: *Cha sinh mẹ đẻ; Cha sinh mẹ dưỡng, Bụng mang dạ chửa; Phượng múa rồng bay; Ma đưa lối quỷ dẫn đường; Cơm ăn áo mặc.*

e. Đối xứng tính chất với đối tượng: Các tính từ đứng trước đều là những từ đồng nghĩa đối ứng nhau chỉ tính chất của đối tượng: *Đôi phong bại tục, Im hơi lặng tiếng; Khéo tay hay miệng; Cùng đường hết lối.*

g. Đối xứng sự vật với sự vật: Các sự vật tương thích nhau theo cấu tạo và công năng: *Cổ cày vai bừa; Dây mơ rễ má; Chim lồng cá chậu.*

h. Đối xứng đồng nhất: Đối xứng đồng nhất sự vật: *Một hội một thuyền; Trăm trận trăm thắng; Bằng vai ngang vế; Độc mồm độc miệng; Đại mồm đại miệng; Hết hồn hết vía.* Đối xứng đồng nhất tính chất: *Chết đói chết khát; Bách chiến bách thắng; Héo gan héo ruột.* Đối xứng đồng nhất về giá trị: *Ba cộc ba đồng.* [4, tr.68-72]

i. Đối xứng tăng tiến: Đối xứng tăng tiến về đối tượng: *Ba hồn bảy vía; Ba lần bảy lượt; Ba thê bảy thiếp; Muôn hồng nghìn tía; Ba bề bốn bên; Ba cha bảy mẹ; Ba chân bốn cẳng.* Đối xứng tăng tiến về tính chất: *Trăm đắng ngàn cay; Trăm khôn nghìn khéo.* Đối xứng tăng tiến về hành động: *Chín nhớ mười thương.*

2.2.2. Đối xứng nghĩa không tương thích

a. Không tương thích hành động với đối tượng: Hường thụ một đàn làm một nẻo : *Ăn cây táo rào cây xoan; Ăn cơm nhà vác ngà voi; Kẻ ăn ốc người đổ vỏ;*

Cốc mò cò xoi; không tương thích trong ứng xử với đối tượng: Giận cá chém thớt; Vắt chanh bỏ vỏ...

b. Không tương thích hành động với tính chất: Đối lập giữa làm và hưởng thụ *Ăn kĩ làm đói; Bóc ngắn cắn dài.* Đối lập tính chất của một hành động *Bỏ sắp bỏ ngựa; Bước thấp bước cao.* Đối lập cách thức hành động: *Bàn ngược tán xuôi.*

c. Không tương thích chủ thể với phương vị và tính chất: Đối lập tính chất của sự vật, sự việc: *Điều nặng tiếng nhẹ; Cửa chìm cửa nổi; Buổi đục buổi cái; Lá mặt lá trái.* Đối lập không gian: *Khôn nhà dại chợ; Chồng Nam vợ Bắc; Chinh Đông phạt Tây; Đánh Nam dẹp Bắc; Đắt khách quê người...* [4, tr.68-72]

d. Tăng tiến đối lập về đặc điểm, trạng thái của đối tượng: *Một cổ hai tròng; Một tiền gà ba tiền thóc; Một chôn bốn nơi; Một nắng hai sương; Chín người mười ý;*

2.2.3. Đặc điểm đối xứng ngữ nghĩa

Đối xứng cú pháp có thể dẫn đến đối xứng ngữ nghĩa. Giữa hai vế thành ngữ có các cặp từ đồng nghĩa hoặc cùng trường nghĩa sẽ thành hai vế nghĩa tương thích. Đối xứng lặp lại từ tạo cho câu thành ngữ lặp lại tính chất, hành động trong sự tương ứng: *Độc mồm độc miệng, Biết người biết cửa.* Tách hai hình vị của từ ghép cùng từ loại và trường nghĩa tạo nên sự láy nghĩa và đồng nhất về nghĩa: *Ao tù nước đọng; Ăn cay nuốt đắng; Buồn thần bán thánh; Ăn bờ ở bụi.*

Tuy nhiên, không phải bao giờ sự đối xứng về từ loại có thể dẫn đến sự đối xứng về nghĩa. Giữa hai vế thành ngữ có các cặp từ trái nghĩa hoặc khác biệt về đối tượng hành động thì sẽ thành hai vế nghĩa không tương thích. Giữa hai vế có nghĩa liên nhân: thể hiện mục đích của hành động *Bới lông tìm vết;* thể hiện nguyên nhân của hành động: *Giận cá chém thớt.* Giữa hai vế có nghĩa đối lập: *Lên bờ xuống ruộng; Ăn kĩ làm đói.* Đối xứng lặp lại từ tạo cho câu thành ngữ lặp lại đối tượng, hành động nhưng khác biệt về đặc điểm, tính chất trong sự đối sánh: *Buổi đục buổi cái, Chân giày chân dép.*

3. Kết luận

Thành ngữ đối xứng về mặt cấu tạo là loại thành ngữ giữa chúng có sự cân đối hai vế về số tiếng. Đối xứng cú pháp xét từ phương diện cấu tạo. Thành ngữ

đối xứng có các loại: đối xứng các vế ngữ, đối xứng lặp lại từ ở đầu vế ngữ, đối xứng do tách xen giữa các từ ghép trong hai vế ngữ.

Thành ngữ đối xứng về mặt nghĩa dựa trên sự đối xứng thuận và đối xứng nghịch. Đối xứng thuận là hai vế thành ngữ đối xứng với nhau theo nghĩa tương thích. Đối xứng nghịch là hai vế thành ngữ đối xứng với nhau theo nghĩa không tương thích.

Đối xứng về mặt cấu tạo làm cho thành ngữ đối xứng về mặt nghĩa. Sự đối xứng này tạo nên sự tương tác nghĩa và láy nghĩa, khiến cho nghĩa thành ngữ giàu sắc thái từ vựng và biểu cảm.

Cùng tính đối xứng nhưng một bên là đối xứng cấu tạo và một bên đối xứng ngữ nghĩa. Đối xứng cú pháp thuộc phương diện hình thức cấu tạo còn đối xứng ngữ nghĩa thuộc phương diện nội dung biểu đạt.

Trong giới hạn một bài tạp chí, chúng tôi chỉ bước đầu khảo sát, miêu tả về cấu tạo cú pháp và nghĩa của

hai vế thành ngữ. Bài báo này sẽ làm ngôn liệu cho những nghiên cứu tiếp theo về ngữ dụng và văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu (1981), Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, Nxb Giáo dục, H.
- [2] Nguyễn Thiện Giáp (2011), Vấn đề từ trong tiếng Việt, Nxb Giáo dục, H.
- [3] Nguyễn Lâm (2006), Từ điển Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, Nxb Văn học, H.
- [4] Lê Đức Luận (2012), Cấu trúc ngữ nghĩa của thành ngữ có yếu tố ăn, Tạp chí Khoa học Công nghệ, Đại học Duy Tân, số 1.
- [5] Hoàng Phê (chủ biên - 2005), Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng.
- [6] Viện Ngôn ngữ học (1898), Từ điển Giải thích thành ngữ tiếng Việt, Nxb. Giáo dục, H.

SYNTACTIC AND SEMANTIC SYMMETRY IN VIETNAMESE IDIOMS

Abstract: Idioms with symmetric structures are characterized by a balance between their two sides in terms of the number of syllables. Based on their syntactic features, idioms can have symmetric sides as phrases (free word groups) in their structures. These include symmetric cases based on the word class of the phrase onset which can be a verb phrase, a noun phrase, an adjective phrase, a clausal phrase, a phrase with a repetitive word class in the initial position. Symmetric sides as phrases are the results of splitting words into two corresponding sides. This symmetry shows a balance in terms of form.

The structure-based symmetry can lead to symmetry in meaning. Based on their semantic features, idioms can be divided into two types: symmetric idioms with compatible meanings and the ones with incompatible meanings. This symmetry creates interaction and reduplication in meaning, enriching the idioms' nuances and expressiveness. This is the symmetry in terms of the idioms' expressive contents.

Key words: symmetric idioms; structure; compatible; interaction and meaning reduplication; lexical nuance; expressiveness